

Số: **708**/BT-TT-KHTC

V/v khảo sát về công tác thông tin,
tuyên truyền phục vụ nhiệm vụ chính
trị, cung cấp thông tin thiết yếu

Hà Nội, ngày **04** tháng 3 năm 2020

Kính gửi:

- Các bộ, cơ quan Trung ương; cơ quan thuộc Chính phủ;
- Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Các cơ quan báo chí, nhà xuất bản Trung ương quản lý.

Thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2020 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách nhà nước năm 2020 (Chính phủ giao Bộ Thông tin và Truyền thông xây dựng *Đề án hỗ trợ báo chí, xuất bản phục vụ nhiệm vụ chính trị, cung cấp thông tin thiết yếu*); để phục vụ cho công tác xây dựng Đề án, Bộ Thông tin và Truyền thông (TTTT) tổ chức khảo sát về công tác thông tin, tuyên truyền phục vụ nhiệm vụ chính trị, cung cấp thông tin thiết yếu trong lĩnh vực báo chí, xuất bản. Bộ TTTT đề nghị các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan Trung ương (sau đây gọi tắt là bộ, cơ quan Trung ương), các địa phương và các cơ quan báo chí, nhà xuất bản:

1. Báo cáo tình hình thực hiện các chương trình, đề án, dự án thông tin, tuyên truyền sử dụng ngân sách nhà nước trong giai đoạn 2016-2020 do bộ, cơ quan Trung ương, địa phương chủ trì (nếu có).

2. Báo cáo tình hình hoạt động, nguồn lực phục vụ nhiệm vụ chính trị, cung cấp thông tin thiết yếu của các cơ quan báo chí, nhà xuất bản.

(Nội dung báo cáo nêu tại mục 1, 2 trên theo Đề cương gửi kèm theo)

3. Về tổ chức thực hiện:

3.1. Đối với các bộ, cơ quan Trung ương:

a) Về lập báo cáo về tình hình thực hiện các Chương trình, đề án, dự án thông tin, tuyên truyền sử dụng ngân sách Trung ương trong giai đoạn 2016-2020: Đề nghị các bộ, cơ quan Trung ương chỉ đạo cơ quan chủ trì tham mưu quản lý thực hiện chương trình, đề án, dự án lập báo cáo để báo cáo bộ, cơ quan Trung ương xem xét và gửi Bộ TTTT;

b) Về lập báo cáo tình hình hoạt động, nguồn lực phục vụ nhiệm vụ chính trị, cung cấp thông tin thiết yếu của các cơ quan báo chí, nhà xuất bản: Đề nghị bộ, cơ quan Trung ương chỉ đạo các cơ quan báo chí, nhà xuất bản, đơn vị chuyên môn trực thuộc lập báo cáo gửi về bộ, cơ quan Trung ương tổng hợp và gửi Bộ TTTT.

3.2. Đối với các địa phương: Đề nghị Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo Sở TTTT chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và các cơ quan liên quan thực hiện:

a) Phối hợp với các cơ quan liên quan lập báo cáo về tình hình thực hiện các chương trình, đề án, dự án thông tin, tuyên truyền sử dụng ngân sách địa phương giai đoạn 2016-2020;

b) Triển khai, hướng dẫn các cơ quan báo chí, nhà xuất bản thuộc địa phương quản lý (bao gồm đề nghị các cơ quan báo chí, nhà xuất bản trực thuộc tỉnh ủy, thành ủy và tổ chức chính trị- xã hội) lập báo cáo theo Đề cương gửi Sở TTTT;

c) Sở TTTT tổng hợp, báo cáo UBND xem xét và gửi Bộ TTTT báo cáo về các nội dung nêu trên.

4. Thời gian gửi báo cáo về Bộ TTTT của các cơ quan Trung ương, các địa phương: *Trước ngày 20 tháng 3 năm 2020.*

5. Trong quá trình tổ chức khảo sát, Bộ TTTT có kế hoạch làm việc với một số bộ, cơ quan Trung ương và địa phương. Đoàn công tác do Lãnh đạo Bộ Thông tin và Truyền thông chủ trì. Thành phần tham gia đoàn công tác có đại diện của các Vụ, Cục, Viện thuộc Bộ Thông tin và Truyền thông; Ban Tuyên giáo Trung ương, Bộ Tài chính; Bộ Kế hoạch và Đầu tư; Văn phòng Chính phủ (Bộ TTTT sẽ có văn bản gửi đến các cơ quan Đoàn công tác có kế hoạch làm việc sau).

Đề nghị các bộ, cơ quan Trung ương, các địa phương, các cơ quan báo chí, nhà xuất bản quan tâm, lập và gửi báo cáo khảo sát kịp thời theo yêu cầu của Đề cương khảo sát và tổ chức làm việc với đoàn công tác do Bộ TTTT tổ chức.

Đề nghị các cơ quan báo chí, nhà xuất bản khi gửi báo cáo cho cơ quan chủ quản (ở Trung ương), cho sở TTTT (ở địa phương), *đồng gửi file về Bộ TTTT theo địa chỉ: deanbcbx@mic.gov.vn* để phục vụ công tác tổng hợp. Trong quá trình thực hiện, trường hợp có khó khăn, vướng mắc, đề nghị các cơ quan, đơn vị liên hệ về Vụ Kế hoạch – Tài chính, Bộ TTTT để phối hợp theo số điện thoại 02438263578.

Trân trọng./ *[Chữ ký]*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Thứ trưởng Hoàng Vĩnh Bảo;
- Thứ trưởng Phạm Anh Tuấn;
- Văn phòng Chính phủ (để ph/hợp);
- Các Bộ: Tài chính, KHĐT (để ph/hợp);
- Sở Thông tin và Truyền thông các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Các Cục: PTTT và TTĐT; BC; XBIPH; TTĐN;
- Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông;
- Lưu: VT, KHTC.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



[Chữ ký]
Hoàng Vĩnh Bảo

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO

VỀ HOẠT ĐỘNG VÀ NGUỒN LỰC PHỤC VỤ NHIỆM VỤ CHÍNH TRỊ, CUNG CẤP THÔNG TIN THIẾT YẾU

*(Kèm theo Công văn số 408 /BT/TTT-KHTC ngày 04 tháng 3 năm 2020 của Bộ
Thông tin và Truyền thông)*

A. CĂN CỨ, MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU BÁO CÁO

I. Căn cứ:

1. Luật Báo chí, quy định chính sách của Nhà nước về phát triển báo chí: “Đặt hàng báo chí phục vụ nhiệm vụ chính trị, an ninh, quốc phòng, thông tin đối ngoại, phục vụ thiếu niên, nhi đồng, người khiếm thính, khiếm thị, đồng bào vùng dân tộc thiểu số, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, vùng sâu, vùng xa, miền núi, biên giới, hải đảo và các nhiệm vụ trọng yếu khác phù hợp với từng giai đoạn theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ” (Khoản 3 Điều 5 Luật báo chí năm 2016).

2. Luật Xuất bản, quy định chính sách của Nhà nước:

“2. Chính sách của Nhà nước đối với lĩnh vực xuất bản:

a) Hỗ trợ kinh phí đầu tư xây dựng, hiện đại hóa cơ sở vật chất, ứng dụng, chuyển giao công nghệ - kỹ thuật tiên tiến cho nhà xuất bản phục vụ nhiệm vụ, đối tượng và địa bàn quy định tại điểm b khoản này;

b) Đặt hàng để có bản thảo và xuất bản tác phẩm, tài liệu phục vụ nhiệm vụ chính trị, an ninh, quốc phòng, thông tin đối ngoại, phục vụ đồng bào vùng dân tộc thiểu số, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, vùng sâu, vùng xa, miền núi, biên giới, hải đảo, thiếu niên, nhi đồng, người khiếm thị và các nhiệm vụ trọng yếu khác;

c) Mua bản thảo đối với những tác phẩm có giá trị nhưng thời điểm xuất bản chưa thích hợp hoặc đối tượng sử dụng hạn chế; hỗ trợ mua bản quyền đối với tác phẩm trong nước và nước ngoài có giá trị phục vụ phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội;”

(Trích khoản 2 Điều 7 Luật Xuất bản năm 2012)

3. Quy hoạch phát triển và quản lý báo chí toàn quốc đến năm 2025 (Quyết định số 362/QĐ-TTg ngày 03/4/2019 của Thủ tướng Chính phủ).

II. Mục đích:

Mục đích chung của việc khảo sát là để thu thập thông tin, số liệu phục vụ xây dựng Đề án hỗ trợ báo chí, xuất bản phục vụ nhiệm vụ chính trị, cung cấp thông tin thiết yếu trong giai đoạn tới.

III. Yêu cầu báo cáo:

1. Đảm bảo cung cấp đầy đủ, kịp thời, chính xác thông tin, số liệu về tình hình hoạt động và nguồn lực đảm bảo hoạt động của cơ quan báo chí, xuất bản nói chung và hoạt động phục vụ nhiệm vụ chính trị, cung cấp thông tin thiết yếu theo đúng Đề cương yêu cầu.

2. Thông tin, số liệu trình bày đúng yêu cầu của biểu mẫu, đủ điều kiện để phân tích hiện trạng, phục vụ nghiên cứu, xây dựng, đề xuất giải pháp hỗ trợ của nhà nước để các cơ quan báo chí, nhà xuất bản đảm bảo phục vụ nhiệm vụ chính trị, cung cấp thông tin thiết yếu trong giai đoạn tới.

B. ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO KHẢO SÁT

I. VỀ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH, ĐỀ ÁN, DỰ ÁN VỀ THÔNG TIN, TUYÊN TRUYỀN GIAI ĐOẠN 2016-2020

Đề nghị các cơ quan chủ trì chương trình, đề án, dự án thông tin, tuyên truyền (nếu có) cung cấp các thông tin:

1. Tên chương trình, đề án, dự án thông tin, tuyên truyền sử dụng ngân sách nhà nước; số quyết định phê duyệt, cấp phê duyệt; nguồn kinh phí được phê duyệt; thời gian thực hiện thuộc giai đoạn 2016-2020.

2. Kết quả thực hiện Chương trình, đề án, dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt thực hiện thuộc giai đoạn 2016-2020:

a) Các hình thức thông tin, tuyên truyền trên báo chí, xuất bản phẩm đã thực hiện: số lượng các sản phẩm báo chí, xuất bản phẩm và kinh phí đã thực hiện;

b) Các hình thức thông tin, tuyên truyền khác và kinh phí thực hiện;

c) Phương thức thực hiện (giao nhiệm vụ, đặt hành, đấu thầu).

3. Đánh giá kết quả thực hiện

4. Những khó khăn, hạn chế và nguyên nhân.

5. Kiến nghị

(Số liệu cụ thể về thực hiện các chương trình, đề án, dự án đề nghị các cơ quan tổng hợp vào biểu mẫu tại Phụ lục 1 kèm theo)

II. HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC CƠ QUAN BÁO CHÍ, NHÀ XUẤT BẢN VÀ NGUỒN LỰC ĐẢM BẢO PHỤC VỤ NHIỆM VỤ CHÍNH TRỊ, CUNG CẤP THÔNG TIN THIẾT YẾU

Các cơ quan báo chí, nhà xuất bản lập báo cáo về tình hình tổ chức, hoạt động và nguồn lực đảm bảo thực hiện bao gồm các nội dung sau và số liệu tổng hợp vào biểu mẫu tại Phụ lục 2 kèm theo. Cụ thể:

II.1. Thông tin chung về tổ chức và hoạt động của cơ quan báo chí, nhà xuất bản: Đề nghị các cơ quan, đơn vị cung cấp các thông tin về:

1. Tên cơ quan báo chí, nhà xuất bản; cơ quan chủ quản; loại hình hoạt động; loại hình sản phẩm báo chí được cấp phép thực hiện (đối với các cơ quan báo chí); cơ cấu tổ chức; tôn chỉ, mục đích hoạt động; tình hình nhân lực; loại hình tổ chức hoạt động (đối với các nhà xuất bản).

2. Đánh giá chung về tình hình thực hiện chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức, quy mô của cơ quan báo chí, nhà xuất bản trong việc phục vụ nhiệm vụ chính trị, cung



cấp thông tin thiết yếu, nhiệm vụ của cơ quan chủ quản; định hướng về thực hiện quy hoạch phát triển và quản lý báo chí đến năm 2025 (nếu có).

3. Kết quả hoạt động của cơ quan báo chí, nhà xuất bản giai đoạn 2018-2020:

3.1. Kết quả hoạt động phục vụ nhiệm vụ chính trị, cung cấp thông tin thiết yếu:

a) Các cơ quan, đơn vị tổng hợp kết quả (khối lượng) các sản phẩm báo chí, xuất bản phẩm thực hiện trong hoạt động thường xuyên hoặc đột xuất phục vụ nhiệm vụ chính trị, cung cấp thông tin thiết yếu như:

- Sản xuất, cung cấp các sản phẩm, dịch vụ tuyên truyền về chủ trương, chính sách, pháp luật; tuyên truyền thực hiện các nhiệm vụ chính trị của quốc gia, an ninh, quốc phòng, đối ngoại, phục vụ thực hiện nhiệm vụ chính trị của chủ quản, thuộc lĩnh vực quản lý của chủ quản;

- Sản xuất, cung cấp các sản phẩm, dịch vụ để cung cấp, bổ sung thông tin, kiến thức thiết yếu, có ý nghĩa thiết thực về lịch sử, giáo dục, văn hóa, kinh tế, xã hội,... nhằm bổ sung kiến thức cần thiết góp phần thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế xã hội.

Trong đó, đề nghị các cơ quan, đơn vị quan tâm cụ thể hóa khối lượng sản phẩm, dịch vụ và kinh phí thực hiện thông tin, tuyên truyền theo các nhóm nhiệm vụ sau:

(1) Thông tin, tuyên truyền thực hiện các nghị quyết của Đảng, như:

- Thông tin, tuyên truyền về “Phát triển kinh tế tư nhân trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa” (Nghị quyết số 10-NQ/TW Hội nghị Trung ương 5 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Khóa XII);

- Thông tin, tuyên truyền về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập (Nghị quyết số 18-NQ/TW và Nghị quyết số 19-NQ/TW Hội nghị lần thứ 6 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Khóa XII);

- Thông tin, tuyên truyền về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 (Nghị quyết số 36-NQ/TW Hội nghị lần thứ 8 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Khóa XII);

(2) Thông tin, tuyên truyền bảo vệ chủ quyền quốc gia, bảo vệ biển đảo, biên giới quốc gia;

(3) Thông tin, tuyên truyền cung cấp thông tin thiết yếu cho đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi; người khuyết tật;

(4) Thông tin, tuyên truyền về thúc đẩy phát triển Chính phủ điện tử, chuyển đổi số; phát triển hạ tầng số phục vụ phát triển Chính phủ điện tử và kinh tế số; công tác chỉ đạo, điều hành của Chính phủ; về phát triển doanh nghiệp công nghệ Việt Nam;

(5) Thông tin, tuyên truyền về nông nghiệp, nông thôn;

(6) Thông tin, tuyên truyền về phòng chống thiên tai, bảo vệ môi trường và sức khỏe cộng đồng;

(7) Thông tin, tuyên truyền đối ngoại.

(8) Các hoạt động thông tin, tuyên truyền phục vụ nhiệm vụ chính trị của chủ quản và cung cấp thông tin thiết yếu khác.

3.2. Tình hình hoạt động, nguồn thu của cơ quan báo chí, nhà xuất bản từ việc sản xuất, cung ứng dịch vụ chủ yếu phục vụ giải trí, thương mại: Đề nghị trình bày theo các nhóm hoạt động sau:

a) Các hoạt động cung cấp các sản phẩm báo chí, xuất bản phẩm có mục tiêu giải trí, như: Tổ chức các chương trình nghệ thuật (âm nhạc, phim, trò chơi, hài, ...), thể thao;

b) Hoạt động tuyên truyền thông qua tổ chức sự kiện;

c) Số lượng các sản phẩm quảng cáo trên báo chí;

d) Khối lượng sản phẩm báo chí, xuất bản phẩm đã trao đổi bản quyền;

đ) Khối lượng sản phẩm báo chí, xuất bản phẩm đã thực hiện thông qua liên kết;

e) Các sản phẩm chủ yếu phục vụ giải trí, thương mại khác;

(Khối lượng sản phẩm báo chí, xuất bản phẩm thực hiện tổng hợp vào Phụ lục kèm theo).

II.2. Tình hình kinh tế và thực hiện cơ chế tự chủ:

Các cơ quan, đơn vị báo cáo các nội dung sau:

1. Phân loại theo mức độ tự chủ theo quy định hiện hành.

2. Tình hình tài sản của đơn vị.

3. Nguồn tài chính, sử dụng các nguồn tài chính trong hoạt động của cơ quan, đơn vị (ngân sách nhà nước cấp, thu sự nghiệp, thu từ hoạt động kinh doanh, dịch vụ, thu từ hoạt động liên kết, ...); phương thức quản lý sử dụng ngân sách nhà nước áp dụng.

4. Tình hình sử dụng nguồn tài chính cho hoạt động thông tin, tuyên truyền phục vụ nhiệm vụ chính trị, cung cấp thông tin thiết yếu của cơ quan báo chí, nhà xuất bản: Nêu rõ khối lượng sản phẩm, quy mô chi phí và nguồn kinh phí đảm bảo đối với từng sản phẩm, dịch vụ của cơ quan báo chí, nhà xuất bản (đầu báo, xuất bản phẩm, kênh phát thanh, kênh truyền hình), bao gồm: ngân sách nhà nước cấp toàn bộ; sử dụng một phần kinh phí NSNN; không sử dụng NSNN. Trong đó, chú trọng phân tích trong báo cáo kết quả đối với các sản phẩm, dịch vụ thuộc 8 nhóm nhiệm vụ nêu tại mục 3.1 trên.

5. Tình hình quản lý giá sản phẩm, dịch vụ của cơ quan đơn vị, trong đó nêu rõ tình hình quản lý giá (bao gồm cơ chế xác định giá, thẩm quyền quyết định) đối với:

a) Giá phát hành sản phẩm báo in, tạp chí in, xuất bản phẩm;

b) Giá quảng cáo;

c) Giá hoạt động liên kết.

II.3. Đánh giá chung về tình hình hoạt động, nguồn lực và tình hình sử dụng NSNN của các cơ quan báo chí, nhà xuất bản

1. Đánh giá về tình hình nhân lực, cơ sở vật chất và khai thác cơ sở vật chất đã được đầu tư, mua sắm; năng suất lao động của đơn vị trong việc sản xuất các sản phẩm báo chí, xuất bản phẩm; mức độ tự chủ tài chính của đơn vị.

2. Đánh giá chất lượng sản phẩm, dịch vụ và giá bán; khả năng khai thác nguồn thu từ hoạt động của cơ quan báo chí, nhà xuất bản (thu hoạt động sự nghiệp, quảng cáo, trao đổi bản quyền, ...); tình hình thị trường và khả năng cạnh tranh;

3. Đánh giá việc sử dụng NSNN thực hiện nhiệm vụ chính trị, cung cấp thông tin thiết yếu (về khối lượng, chất lượng nội dung của các sản phẩm, dịch vụ báo chí, xuất bản phẩm; nhu cầu của xã hội và hiệu quả thông tin, tuyên truyền,...); phân tích rõ khối lượng sản phẩm báo chí, xuất bản phẩm đã được sản xuất, cung cấp sử dụng toàn bộ, một phần ngân sách nhà nước và từ các nguồn kinh phí khác;

4. Về tình hình thực hiện phương thức quản lý sử dụng ngân sách nhà nước cấp cho các cơ quan báo chí, nhà xuất bản (giao dự toán, giao nhiệm vụ, đặt hàng);

5. Công tác quản lý tài chính của cơ quan đơn vị (tình hình ban hành quy chế quản lý), hạch toán, phân định các hoạt động và nguồn tài chính thực hiện của cơ quan báo chí, nhà xuất bản.

6. Về tình hình thực hiện chế độ nhuận bút trong lĩnh vực báo chí, xuất bản từ nguồn ngân sách nhà nước và các nguồn kinh phí khác tại đơn vị.

II.4. Khó khăn, hạn chế

1. Những khó khăn về năng lực hoạt động (cơ sở vật chất, nhân lực) liên quan đến thực hiện phương án tự chủ (nhân lực, tài sản, tài chính và việc khai thác, sử dụng tài sản của cơ quan báo chí, nhà xuất bản trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ và tôn chỉ, mục đích đã được cấp phép).

2. Những thuận lợi, khó khăn, tồn tại về nguồn tài chính đảm bảo phục vụ nhiệm vụ chính trị, cung cấp thông tin thiết yếu (so với yêu cầu về đảm bảo khối lượng, nội dung chất lượng sản phẩm báo chí, xuất bản phẩm).

3. Những khó khăn, tồn tại về quản lý sử dụng ngân sách nhà nước trong hoạt động của cơ quan báo chí, nhà xuất bản, ...

II.5. KẾ HOẠCH THÔNG TIN, TUYÊN TRUYỀN PHỤC VỤ NHIỆM VỤ CHÍNH TRỊ, CUNG CẤP THÔNG TIN THIẾT YẾU GIAI ĐOẠN TỚI:

1. Kế hoạch sắp xếp, đổi mới, hoàn thiện cơ cấu tổ chức, quản lý của cơ quan báo chí, nhà xuất bản.

2. Kế hoạch nâng cao năng lực hoạt động của cơ quan đơn vị; nâng cao hiệu quả quản lý sử dụng tài sản, tài chính nói chung và hiệu quả sử dụng ngân sách nhà nước nói riêng đối với các cơ quan báo chí, nhà xuất bản.

3. Kế hoạch hoạt động thông tin, tuyên truyền phục vụ nhiệm vụ chính trị, cung cấp thông tin thiết yếu (Tăng cường chủ đề nội dung, khối lượng, chất lượng, phổ biến sản phẩm, ...) trong giai đoạn 2021-2023, cần bám sát yêu cầu thông tin, tuyên truyền

phục vụ nhiệm vụ của quốc gia, chủ quản; về nhu cầu cung cấp thông tin thiết yếu với các chủ đề nội dung thuộc lĩnh vực quản lý của chủ quản. Trong đó, cần lưu ý có kế hoạch thông tin, tuyên truyền về thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII, các Nghị quyết của Đảng và các nhiệm vụ nêu tại mục 3.1 ở trên và dự kiến, đề xuất nguồn kinh phí thực hiện, trong đó bao gồm khả năng tự đảm bảo của đơn vị (từ nguồn thu sự nghiệp và các nguồn khác) để đảm bảo khối lượng, nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ phục vụ nhiệm vụ chính trị, cung cấp thông tin thiết yếu.

III. KIẾN NGHỊ

1. Kiến nghị của các cơ quan báo chí, nhà xuất bản với cơ quan chủ quản và các cơ quan quản lý nhà nước ở Trung ương, ở địa phương để nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của cơ quan báo chí, nhà xuất bản nói chung và phục vụ nhiệm vụ chính trị, cung cấp thông tin thiết yếu nói riêng.

2. Kiến nghị của cơ quan chủ quản với cơ quan quản lý nhà nước về thông tin và truyền thông và các cấp có liên quan để nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động về công tác thông tin, tuyên truyền phục vụ nhiệm vụ chính trị, cung cấp thông tin thiết yếu.

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

Họ và tên người lập báo cáo:

Số điện thoại: ...

Email liên hệ: ...

Ghi chú:

a) Các cơ quan, đơn vị có thể lấy file mẫu báo cáo trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Thông tin và Truyền thông tại địa chỉ:
http://mic.gov.vn/Upload_Moi/FileBaoCao/phulucKS.zip

b) Đề nghị các cơ quan, đơn vị gửi file báo cáo điện tử về Bộ TTTT theo địa chỉ: deanbcbx@mic.gov.vn. Địa chỉ liên hệ: Vụ Kế hoạch - Tài chính, Bộ Thông tin và Truyền thông, SĐT: 02432683578



CƠ QUAN:

**TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH, ĐỀ ÁN, DỰ ÁN
THÔNG TIN, TUYÊN TRUYỀN SỬ DỤNG NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC**

| ST T | Chương trình/đề án, dự án | Giai đoạn 2016-2019 | | Ước thực hiện năm 2020 | | |
|-----------|---|---------------------|----------|------------------------|----------|----------|
| | | Kết quả thực hiện | | Kinh phí | | |
| | | ĐVT | Số lượng | (Trđ) | Số lượng | (Trđ) |
| I | Tên chương trình/đề án, dự án:.... | | | | | |
| 1 | Số, ngày văn bản phê duyệt, cấp phê duyệt:..... | | | | | |
| 2 | Mục tiêu của chương trình, đề án, dự án | | | | | |
| 3 | Thời gian thực hiện | | | | | |
| 4 | Nguồn vốn được duyệt | | | | | |
| | Vốn ngân sách Trung ương | | | | | |
| | Vốn ngân sách địa phương | | | | | |
| | Các nguồn vốn khác | | | | | |
| 5 | Kết quả thực hiện các nhiệm vụ của Chương trình, đề án | | | | | |
| | Tổng kinh phí đã thực hiện | | | X | | X |
| 5.1 | Sản xuất, phát hành các sản phẩm báo in | | | X | | X |
| | Số lượng sản phẩm báo in tham gia thực hiện | Báo | X | | X | |
| | Số lượng tin, bài | Tin, bài | X | | X | |
| 5.2 | Sản xuất, phát hành các tạp chí | | | X | | X |
| | Số lượng tạp chí tham gia thực hiện | Tạp chí | X | | X | |
| | Số lượng tin, bài | Tin, bài | X | | X | |
| 5.3 | Sản xuất tin, bài đăng trên báo điện tử | | | | | |
| | Số lượng báo điện tử tham gia thực hiện | Báo | X | | X | |
| | Số lượng tin, bài | Tin, bài | X | | X | |
| 5.4 | Sản xuất, phát sóng các chương trình phát thanh | | | x | | x |
| | Số lượng chương trình phát thanh sản xuất | Chương trình | x | | x | x |
| | Thời lượng chương trình phát thanh sản xuất | Giờ | x | | x | x |
| 5.5 | Sản xuất, phát sóng các chương trình truyền hình | | | | | |
| | Số lượng chương trình phát thanh sản xuất | Chương trình | x | | x | x |
| | Thời lượng chương trình phát thanh sản xuất | Giờ | x | | x | x |
| 5.6 | Sản xuất, phát hành xuất bản phẩm | | | x | | x |
| | Số đầu sách | Đầu sách | x | | | |
| | Số cuốn phát hành | Cuốn | x | | | |
| 5.7 | Thực hiện các hình thức thông tin, tuyên truyền khác | | | x | | x |
| II | Tên chương trình/đề án, dự án:.... | | | | | |
| | | | | | | |

Ghi chú: ghi số liệu phù hợp (nếu có) vào các ô đánh dấu (x)

CƠ QUAN CHỦ QUẢN:

CƠ QUAN BÁO CHÍ/NHÀ XUẤT BẢN:.....

BÁO CÁO SỐ LIỆU ĐỐI VỚI CƠ QUAN BÁO CHÍ, NHÀ XUẤT XUẤT BẢN

(Kèm theo Văn bản số...../..... ngày tháng năm 2020 của

PHẦN I. TÌNH HÌNH TỔ CHỨC, HOẠT ĐỘNG VÀ TÀI CHÍNH, TÀI SẢN CỦA CƠ QUAN BÁO CHÍ, NHÀ XUẤT BẢN

| MÃ SỐ | DIỄN GIẢI | ĐVT | NĂM 2018 | NĂM 2019 | ƯỚC THỰC HIỆN NĂM 2020 |
|-----------|---|-----------|----------|----------|------------------------|
| 1 | TỔ CHỨC | | | | |
| 1.1 | Tổ chức | | | | |
| 1.1.1 | Số lượng văn phòng đại diện, văn phòng thường trú | | | | |
| 1.1.1.1 | Trong nước | Văn phòng | | | |
| 1.1.1.2 | Ngoài nước | Văn phòng | | | |
| 1.1.2 | Đơn vị sự nghiệp trực thuộc (nếu có) | Đơn vị | | | |
| 1.2 | Lao động hưởng lương (số liệu tháng 12) | Người | | | |
| 1.2.1 | Trong đó: Cán bộ quản lý kinh tế - tài chính | Người | | | |
| 1.3 | Mức độ tự chủ về tài chính | | | | |
| 1.3.1 | Tự đảm bảo toàn bộ chi thường xuyên | | | | |
| 1.3.2 | Tự đảm bảo một phần chi thường xuyên | | | | |
| 1.3.3 | Do NSNN đảm bảo toàn bộ chi thường xuyên | | | | |
| 2 | TÀI SẢN, TÀI CHÍNH | % | | | |
| 2.1 | Tài sản, nguồn vốn | | | | |
| 2.1.1 | Tổng tài sản | Trđ | | | |
| 2.1.1.1 | Trong đó: giá trị còn lại của TSCĐ | Trđ | | | |
| 2.1.1.2 | TSCĐ hữu hình: | | | | |
| 2.1.1.2.1 | Nguyên giá | | | | |
| 2.1.1.2.2 | Giá trị còn lại | | | | |
| 2.1.1.3 | TSCĐ vô hình: | | | | |
| 2.1.1.3.1 | Nguyên giá | | | | |
| 2.1.1.3.2 | Giá trị còn lại | | | | |
| 2.1.2 | Nguồn vốn | | | | |
| 2.1.2.1 | Nợ phải trả | Trđ | | | |
| 2.1.2.1.1 | Trong đó: Dự nợ vay ngân hàng (cuối năm) | Trđ | | | |
| 2.1.2.2 | Tài sản thuần (Đơn vị sự nghiệp) | Trđ | | | |
| 2.1.2.3 | Vốn chủ sở hữu (đối với Nhà xuất bản tổ chức theo loại hình doanh nghiệp) | | | | |
| 2.2 | Thực hiện đầu tư csvc, mua sắm tài sản (số giải ngân hằng năm) | | | | |
| | Trong đó: | | | | |
| 2.2.1 | Từ vốn NSNN | Trđ | | | |
| 2.2.1.1 | (Ghi chú: Kế hoạch vốn đầu tư được giao) | Trđ | | | |
| 2.2.2 | Từ Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp | Trđ | | | |
| 2.2.3 | Vốn vay | Trđ | | | |
| 2.2.4 | Vốn khác | | | | |
| 2.3 | Nguồn kinh phí hoạt động | | | | |
| 2.3.1 | NSNN cấp | Trđ | | | |
| 2.3.1.1 | NSNN cấp theo phương án tự chủ | Trđ | | | |
| 2.3.1.2 | Kinh phí giao nhiệm vụ | | | | |
| 2.3.1.3 | Trong đó giao nhiệm vụ thực hiện các chương trình, đề án, dự án | Trđ | | | |
| 2.3.1.4 | Kinh phí đặt hàng | | | | |
| 2.3.1.4.1 | Trong đó đặt hàng thực hiện các chương trình, đề án, dự án | Trđ | | | |
| 2.3.1.5 | Kinh phí NSNN cấp thực hiện các nhiệm vụ khác | Trđ | | | |
| 2.3.2 | Thu viện trợ, tài trợ (nếu có) | Trđ | | | |

| MÃ SỐ | DIỄN GIẢI | ĐVT | NĂM 2018 | NĂM 2019 | ƯỚC THỰC HIỆN NĂM 2020 |
|--------------|---|------------|----------|----------|------------------------|
| 2.3.3 | Thu từ hoạt động sự nghiệp | Trđ | | | |
| 2.3.3.1 | Thu phát hành sản phẩm báo chí, xuất bản phẩm | Trđ | | | |
| 2.3.3.2 | Thu về bản quyền | Trđ | | | |
| 2.3.3.3 | Các khoản thu sự nghiệp khác | Trđ | | | |
| 2.3.4 | Thu từ hoạt động kinh doanh, dịch vụ | Trđ | | | |
| 2.3.4.1 | Thu quảng cáo | | | | |
| 2.3.4.2 | Thu từ hoạt động liên kết | Trđ | | | |
| 2.3.4.3 | Thu từ hoạt động liên doanh | Trđ | | | |
| 2.3.4.4 | Thu từ các hoạt động kinh doanh khác | Trđ | | | |
| 2.3.5 | Các nguồn thu khác | Trđ | | | |
| 2.4 | Chi hoạt động | Trđ | | | |
| 2.4.1 | Chi từ nguồn NSNN | Trđ | | | |
| | Trong đó: | | | | |
| 2.4.1.1 | Chi lương và các khoản phải nộp theo lương | Triệu đồng | | | |
| 2.4.1.2 | Chi nhuận bút | Triệu đồng | | | |
| 2.4.1.3 | Chi mua bản quyền | Triệu đồng | | | |
| 2.4.1.4 | Chi Khấu hao CB | Triệu đồng | | | |
| 2.4.1.5 | Chi In sản phẩm báo chí, xuất bản phẩm | Triệu đồng | | | |
| 2.4.1.6 | Chi phát hành, phát sóng, đăng tải lên mạng internet | Triệu đồng | | | |
| 2.4.1.7 | Các khoản chi khác | Triệu đồng | | | |
| 2.4.2 | Chi từ nguồn viện trợ, tài trợ | Trđ | | | |
| | Trong đó: | | | | |
| 2.4.2.1 | Chi lương và các khoản phải nộp theo lương | Triệu đồng | | | |
| 2.4.2.2 | Chi nhuận bút | Triệu đồng | | | |
| 2.4.2.3 | Chi mua bản quyền | Triệu đồng | | | |
| 2.4.2.4 | Chi Khấu hao CB | Triệu đồng | | | |
| 2.4.2.5 | Chi In sản phẩm báo chí, xuất bản phẩm | Triệu đồng | | | |
| 2.4.2.6 | Chi phát hành, phát sóng, đăng tải lên mạng internet | Triệu đồng | | | |
| 2.4.2.7 | Các khoản chi khác | Triệu đồng | | | |
| 2.4.3 | Chi nguồn thu sự nghiệp | Trđ | | | |
| | Trong đó: | | | | |
| 2.4.3.1 | Chi lương và các khoản phải nộp theo lương | Trđ | | | |
| 2.4.3.2 | Chi nhuận bút | Trđ | | | |
| 2.4.3.3 | Chi mua bản quyền | Trđ | | | |
| 2.4.3.4 | Chi Khấu hao CB | Trđ | | | |
| 2.4.3.5 | Chi In sản phẩm báo chí, xuất bản phẩm | Trđ | | | |
| 2.4.3.6 | Chi phát hành, phát sóng, đăng tải lên mạng internet | Trđ | | | |
| 2.4.3.7 | Các khoản chi khác | Trđ | | | |
| 2.4.4 | Chi hoạt động kinh doanh, dịch vụ | Trđ | | | |
| | Trong đó: | | | | |
| 2.4.4.1 | Chi lương và các khoản phải nộp theo lương | Trđ | | | |
| 2.4.4.2 | Chi nhuận bút | Trđ | | | |
| 2.4.4.3 | Chi mua bản quyền | Trđ | | | |
| 2.4.4.4 | Chi Khấu hao CB | Trđ | | | |
| 2.4.4.5 | Chi In sản phẩm báo chí, xuất bản phẩm | Trđ | | | |
| 2.4.4.6 | Chi phát hành, phát sóng, đăng tải lên mạng internet | Trđ | | | |
| 2.4.4.7 | Các khoản chi khác | Trđ | | | |
| 2.4.4.8 | Các khoản chi hoạt động khác | Trđ | | | |
| 2.5 | Xác định kết quả tài chính | | | | |
| | Trong đó: | | | | |
| 2.5.1 | Kết quả hoạt động sự nghiệp | Trđ | | | |
| 2.5.2 | Kết quả hoạt động kinh doanh, dịch vụ | Trđ | | | |
| 2.5.3 | Kết quả hoạt động tài chính | Trđ | | | |
| 2.5.4 | Kết quả các hoạt động khác | Trđ | | | |
| 2.6 | Thông tin khác | | | | |
| 2.6.1 | Số trích Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp hằng năm | Trđ | | | |

| MÃ SỐ | DIỄN GIẢI | ĐVT | NĂM 2018 | NĂM 2019 | ƯỚC THỰC HIỆN NĂM 2020 |
|---------|---|-----------|----------|----------|------------------------|
| 2.6.2 | Số trích Quỹ bổ sung thu nhập hằng năm | Trđ | | | |
| 2.6.3 | Số trích lập các quỹ khác hằng năm | Trđ | | | |
| 2.6.4 | Thu nhập bình quân đầu người từ thu nhập tăng thêm | Trđ/tháng | | | |
| 2.6.4.3 | Tổng số chi nhuận bút cho người hưởng lương tại đơn vị hằng năm | | | | |
| 2.6.5 | Các khoản nộp NSNN của đơn vị | | | | |
| | Trong đó: | | | | |
| 2.6.5.1 | Thuế giá trị gia tăng | Trđ | | | |
| 2.6.5.2 | Thuế thu nhập doanh nghiệp | Trđ | | | |

PHẦN II - BÁO CÁO THỰC HIỆN CHI PHÍ SẢN XUẤT SẢN PHẨM, DỊCH VỤ GIAI ĐOẠN 2018 - 2020

| STT | Nội dung | Thực hiện năm 2018 | | | | | | Thực hiện năm 2019 | | | | | | Ước thực hiện 2020 | | |
|---------|--|--------------------|----------|-----------------------------|-----------------------|--|--|--------------------|----------|-----------------------------|-----------------------|--|--|--------------------|----------|---------------------------------|
| | | Khối lượng | | Nguồn kinh phí (Triệu đồng) | | | | Khối lượng | | Nguồn kinh phí (Triệu đồng) | | | | Khối lượng | | Kinh phí thực hiện (Triệu đồng) |
| | | Đơn vị tính | Số lượng | Tổng số | Được đảm bảo từ nguồn | | | Đơn vị tính | Số lượng | Tổng số | Được đảm bảo từ nguồn | | | Đơn vị tính | Số lượng | |
| | | | NSNN | Sự nghiệp của đơn vị | Nguồn khác | | | | NSNN | Sự nghiệp của đơn vị | Nguồn khác | | | | | |
| 1 | TỔNG CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG SỰ NGHIỆP | | | | | | | | | | | | | | | |
| 1.1 | Chi sản xuất sản phẩm báo chí | | | | | | | | | | | | | | | |
| 1.1.1 | Nhóm sản phẩm phục vụ nhiệm vụ chính trị, cung cấp thông tin thiết yếu | | | | | | | | | | | | | | | |
| 1.1.1.1 | Báo in (tên từng sản phẩm) | | | | | | | | | | | | | | | |
| | ... | | | | | | | | | | | | | | | |
| 1.1.1.2 | Tạp chí in (tên từng tạp chí) | | | | | | | | | | | | | | | |
| | ... | | | | | | | | | | | | | | | |
| 1.1.1.3 | Báo điện tử (chi tiết từng sản phẩm) | | | | | | | | | | | | | | | |
| | ... | | | | | | | | | | | | | | | |
| 1.1.1.4 | Tạp chí điện tử (tên từng tạp chí) | | | | | | | | | | | | | | | |
| | ... | | | | | | | | | | | | | | | |
| 1.1.1.5 | Phôi thành (chi tiết từng kênh) | | | | | | | | | | | | | | | |
| | ... | | | | | | | | | | | | | | | |
| 1.1.1.5 | Truyền hình (Chi tiết từng kênh) | | | | | | | | | | | | | | | |
| | ... | | | | | | | | | | | | | | | |
| 1.2 | Chi sản xuất xuất bản phẩm | | | | | | | | | | | | | | | |
| 1.2.1 | (Chi tiết từng đầu sách) | | | | | | | | | | | | | | | |
| | ... | | | | | | | | | | | | | | | |
| 1.1.2 | Nhóm sản phẩm thông tin tuyên truyền khác | | | | | | | | | | | | | | | |
| | (Tương tự như nhóm sản phẩm 1.1.1) | | | | | | | | | | | | | | | |
| 1.2 | Chi phí phát hành (trả cổ) | | | | | | | | | | | | | | | |
| 1.3 | Chi phí phát sóng | | | | | | | | | | | | | | | |
| 1.3.1 | Kênh... | | | | | | | | | | | | | | | |
| 1.3.2 | Kênh... | | | | | | | | | | | | | | | |
| 1.4 | Chi phí hoạt động sự nghiệp khác | | | | | | | | | | | | | | | |
| 1.4.1 | ... | | | | | | | | | | | | | | | |
| 2 | TỔNG CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH DỊCH VỤ | | | | | | | | | | | | | | | |
| 2.1 | Chi phí hoạt động quảng cáo | | | | | | | | | | | | | | | |
| 2.2 | Chi thực hiện hoạt động liên kết | | | | | | | | | | | | | | | |
| 2.3 | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | TỔNG CỘNG | | | | | | | | | | | | | | | |

Chỉ chỉ: Hướng dẫn xác định chi phí thực hiện từng sản phẩm

- Đối với các đơn vị hạch toán riêng chi phí cho từ sản phẩm, dịch vụ và nguồn vốn hoặc chi có 01 sản phẩm dịch vụ thì tổng hợp số liệu theo kết quả hạch toán chi phí.
- Đối với các đơn vị có nhiều loại hình báo chí, nhiều sản phẩm báo chí nếu không hạch toán riêng được chi phí cho từng loại hình, sản phẩm báo chí thì xác định và phân bổ như sau:
 - Bước 1: Phân bổ chi phí cho từng loại hình báo chí:**
 - Các định chi phí trực tiếp thực hiện từng loại hình (Chi phí tiền lương và các khoản đóng góp theo lương, vật tư, in, phát hành, phát sóng, ...)
 - Các khoản chi phí còn lại được xem là chi phí chung phân bổ theo chi phí trực tiếp.
 - Bước 2: Phân bổ chi phí cho từng sản phẩm báo chí trong mỗi loại hình báo chí.** Trên cơ sở kết quả bước 1 (Đã xác định được từng chi phí cho từng loại hình báo chí, để phân bổ chi phí thực hiện từng loại sản phẩm báo chí):
 - Đối với sản phẩm báo in, tạp chí in: Phân bổ chi phí thực hiện loại hình báo chí cho từng sản phẩm trên cơ sở chi phí in sản phẩm. Cụ thể: Chi phí thực hiện từng sản phẩm xác định bằng (-) Chi phí in công (+) Chi phí còn lại được phân bổ (Phân bổ cho sản phẩm trên cơ sở chi phí in).
 - Đối với sản phẩm báo điện tử, tạp chí điện tử: Phân bổ chi phí theo số lượng tin, bài (Trong đó: Mỗi 01 tin tính bằng (=) 1/2 bài).
 - Đối với sản phẩm báo nói, báo hình: Phân bổ chi phí theo thời lượng các chương trình sản xuất mới do cơ quan báo nói, báo hình trực tiếp thực hiện sản xuất.
- Đối với xuất bản phẩm: Phân bổ chi phí theo từng đầu sách. Cụ thể: Chi phí thực hiện mỗi xuất bản phẩm bằng (-) chi phí in công (+) chi phí chung phân bổ cho từng đầu sách. Trong đó: Chi phí chung được phân bổ cho đầu sách như sau:
 - Chi phí chung phân bổ cho từng đầu sách bằng (=) Chi phí chung của nhà xuất bản chia cho (:) Số lượng trang in của nhà xuất bản nhân (x) Số lượng trang in của từng đầu sách.
 - Chi phí chung của nhà xuất bản bằng (=) Tổng chi phí của nhà xuất bản trong năm trừ (-) Chi phí tổ chức ban thảo luận (-) Chi phí in.
- Về phân bổ nguồn vốn thực hiện: Đối với nguồn vốn NSNN: Trên cơ sở số liệu rút dự toán NSNN để xác định tổng chi NSNN cho từng nhiệm vụ của cơ quan đơn vị. Trường hợp khoản chi đã rút dự toán thực hiện chi cho nhiều hoạt động nhưng không hạch toán riêng chi cho từng hoạt động thì phân bổ những khoản chi từ NSNN này cho các hoạt động liên quan theo nguyên tắc nêu tại mục 1.2.3 nêu trên.

CƠ QUAN CHỦ QUẢN:

CƠ QUAN BÁO CHÍ/NHÀ XB.....

**PHẦN III. KẾ HOẠCH THÔNG TIN, TUYÊN TRUYỀN PHỤC VỤ NHIỆM VỤ CHÍNH TRỊ, CUNG CẤP THÔNG TIN THIẾT YẾU
GIAI ĐOẠN 2021-2023**

| STT | TÊN SẢN PHẨM | Nhiệm vụ thông tin, tuyên truyền chủ yếu | ĐVT | KẾ HOẠCH THỰC HIỆN | | |
|----------|--|--|-------------------|--------------------|----------|----------|
| | | | | NĂM 2021 | NĂM 2022 | NĂM 2023 |
| 1 | Báo in, tạp chí in | | | | | |
| 1.1 | Tên sản phẩm:..... | | | | | |
| 1.1.1 | Số lượng tin, bài bình quân/tháng phục vụ nhiệm vụ chính trị, cung cấp thông tin thiết yếu | | Tin, bài | | | |
| 1.1.1 | Số trang in của sản phẩm (cả bìa) | | Trang | | | |
| 1.1.2 | Kỳ phát hành trong năm | | Số/tháng | | | |
| 1.1.3 | Số lượng phát hành/kỳ | | Cuốn | | | |
| 1.1.4 | Tỷ lệ trang thông tin phục vụ nhiệm vụ chính trị, cung cấp thông tin thiết yếu | | % | | | |
| 1.1.5 | Chi phí thực hiện: | | | | | |
| 1.1.5.1 | Tổng chi phí thực hiện/năm | | Trđ | | | |
| 1.1.5.2 | Trong đó NSNN | | Trđ | | | |
| 1.2 | Tên sản phẩm:..... | | | | | |
| 1.2.1 | | | | | | |
| 1.2.2 | | | | | | |
| 2 | Báo điện tử, tạp chí điện tử | | | | | |
| 2.1 | Tên sản phẩm:..... | | | | | |
| 2.1.1 | Địa chỉ truy cập:..... | | | | | |
| 2.1.2 | Số lượng tin, bài bình quân/tháng phục vụ nhiệm vụ chính trị, cung cấp thông tin thiết yếu | | | | | |
| 2.1.2.1 | - Số lượng tin | | Tin | | | |
| 2.1.2.2 | - Số lượng bài | | Bài | | | |
| 2.1.3 | Chi phí thực hiện: | | | | | |
| 2.1.3.1 | Tổng chi phí thực hiện/năm | | Trđ | | | |
| 2.1.3.2 | Trong đó NSNN | | Trđ | | | |
| 2.2 | Tên sản phẩm:..... | | | | | |
| 2.2.1 | | | | | | |
| 2.2.2 | | | | | | |
| 3 | Phát thanh, truyền hình | | | | | |
| 3.1 | Sản xuất mới chương trình | | | | | |
| 3.1.1 | Số lượng chương trình SX mới bình quân/ngày | | Chương trình/ngày | | | |
| 3.2.2 | Thời lượng sản xuất mới bình quân/ngày | | Giờ/ngày | | | |
| 3.2.3 | Tỷ lệ thời lượng sản xuất mới phục vụ nhiệm vụ chính trị, cung cấp thông tin thiết yếu | | | | | |
| 3.2.2.1 | Tổng chi phí thực hiện/năm | | Trđ | | | |
| 3.2.2.2 | Trong đó NSNN | | Trđ | | | |
| 3.2 | Phát sóng | | | | | |
| 3.2.1 | Kênh... | | | | | |
| 3.2.1.1 | Thời lượng phát sóng chương trình tự SX mới | | Giờ/ngày | | | |
| 3.2.1.2 | Thời lượng phát lại chương trình tự sản xuất, khai thác lại | | Giờ/ngày | | | |
| 4 | Xuất bản phẩm in | | | | | |
| 4.1 | Số đầu sách | | Đầu sách | | | |
| 4.1.1 | Số trang bình quân/đầu sách | | Trang | | | |
| 4.1.2 | Tổng số cuốn phát hành bình quân/đầu sách | | Cuốn | | | |
| 4.1.3 | Chi phí thực hiện: | | | | | |

| STT | TÊN SẢN PHẨM | Nhiệm vụ thông tin, tuyên truyền chủ yếu | ĐVT | KẾ HOẠCH THỰC HIỆN | | |
|----------|------------------------------|--|----------|--------------------|----------|----------|
| | | | | NĂM 2021 | NĂM 2022 | NĂM 2023 |
| 4.1.3.1 | Tổng chi phí thực hiện/năm | | Trđ | | | |
| 4.1.3.2 | Trong đó NSNN | | Trđ | | | |
| 5 | Xuất bản phẩm điện tử | | | | | |
| 5.1 | Số đầu sách | | Đầu sách | | | |
| 5.1.1 | Địa chỉ truy cập:..... | | | | | |
| 5.1.3 | Chi phí thực hiện: | | | | | |
| 5.1.3.1 | Tổng chi phí thực hiện/năm | | Trđ | | | |
| 5.1.3.2 | Trong đó NSNN | | Trđ | | | |